TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 670/2023/HNGĐ-ST Ngày: 12/7/2023 V/v : Tranh chấp ly hôn giữa bà L và ông M	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 530/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 93/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L; Sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Số 295 đường A, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Bị đơn*: Ông Mã Khánh M; Sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Số 192/5/8 đường B, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L và ông Mã Khánh M chung sống năm 1990 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03 – C13, quyển số 01-90, đăng ký ngày 12/02/1990.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa bà L và ông M bất đồng quan điểm sống, bất đồng về suy nghĩ và cách giải quyết các vấn đề trong cuộc sống vợ chồng. Ông M thường xuyên có quan hệ tình cảm những người phụ nữ khác, tính gia trưởng và hay có hành vi bạo lực gia đình. Vì mong muốn gia đình được êm ấm, bà L đã cố gắng chịu đựng cố gắng chia sẻ, động viên, hy vọng ông M thương con mà thay đổi. Nhưng ông M vẫn không thay đổi mà ngày càng hung hãn, bạo lực hơn làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng nặng nề, căng thẳng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà L đã đưa hai con về nhà mẹ ruột sống ly thân với ông M từ năm 2008 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, giữa cả hai đã không còn chung sống một quãng thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn ông M.

Về con chung: Bà L xác định giữa bà L và ông M có hai con chung tên:

+ Mã Tuyết L, sinh ngày 23/05/1991;

+ Mã Cảnh K, sinh ngày 04/7/2001;

Hiện nay cả hai con chung đều đã thành niên nên bà L không yêu cầu Toà án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L tự xác định giữa bà L và ông M không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Mã Khánh M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Mã Khánh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Ông M đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông M theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, căn cứ vào kết quả xác minh của Công an Phường 15, Quận 8 thể hiện bị đơn – ông Mã Khánh M có cư trú tại Quận 8, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Bà L và ông Mã Khánh M chung sống năm 1990 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03 – C13, quyển số 01-90, đăng ký ngày 12/02/1990, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà L, bà L trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa bà L và ông M bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi. Dù đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cả hai đã không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2008 đến nay. Nên bà L yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà L là có căn cứ cần giải quyết.

Xét thấy, ông M đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông M vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện ông M không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông M

không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà L xác định giữa bà L và ông M có hai con chung tên:

+ Mã Tuyết L, sinh ngày 23/05/1991;

+ Mã Cảnh K, sinh ngày 04/7/2001;

Xét các con chung của bà L và ông M đều đã thành niên, bà L không có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung nên Toà án không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L tự khai giữa bà L và ông M không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của bà L về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Mã Khánh M;

2. Về nuôi con chung: Giữa bà L và ông M có hai con chung hiện đã thành niên tên:

+ Mã Tuyết L, sinh ngày 23/05/1991;

+ Mã Cảnh K, sinh ngày 04/7/2001;

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002974 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Bà L, ông M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.